

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 605/2024/HC- PT

Ngày: 05/11/2024

V/v: “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên
chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số
390/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày
28/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11623/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng
10 năm 2024, giữa:

**** Người khởi kiện:***

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành
phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm
1976; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Bà Dương Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành
phố T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Mạnh C - Phó Chủ tịch
UBND thành phố T; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức T2 - Phó Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Dương Văn Q, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố Đ, phường Đ, TP T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3. Ông Dương Văn D, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, TP T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

4. Bà Dương Thị C1, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

5. Ông Dương Văn T3, sinh năm 1968; địa chỉ: Đường B, khu Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông Q, ông D, ông T3 và bà C1: Bà Dương Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, TP T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

6. Ông Dương Văn C2, sinh năm 1957; địa chỉ: Số A A, Khu công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

7. Bà Dương Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường B, khu Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

8. Ông Dương Văn T4, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông C2, ông T4 và bà H: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

9. Ông Dương Văn M1, sinh năm 1974 và bà Tạ Thị L, sinh năm 1976; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Bà Tạ Thị L, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

10. Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A) địa chỉ: Số D N, phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T5 - Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Á; địa chỉ: Số A, P, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

11. UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T6 - Phó Chủ tịch UBND phường Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1967; Anh Mẫn Hào Q1, sinh năm 1986; Chị Mẫn Huyền T7, sinh năm 1988 và cháu Mẫn Ngọc Song T8, sinh năm 2009.

Cùng trú tại: Số C, khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các anh Q1, chị T7: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1967; có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1980

Trú tại: Số nhà A đường D, khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Dương Văn T, bà Dương Thị M; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2, bà Dương Thị H, ông Dương Văn T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Bố mẹ ông Dương Văn T, bà Dương Thị M là cụ Dương Văn P (đã mất năm 2010), cụ Nguyễn Thị N (đã mất năm 2018). Bố mẹ của ông bà sinh được 10 người con gồm: Dương Văn Q, Dương Văn D, Dương Văn T3, Dương Văn T4, Dương Thị H, Dương Thị M, Dương Văn C2, Dương Thị C1, Dương Văn T và Dương Văn M1. Ngoài ra bố mẹ của ông T, bà M không có người con riêng nào khác và cũng không nhận ai làm con nuôi.

Về nguồn gốc thửa đất số 523, tờ bản đồ số 9, diện tích 497m² tại phường Đ, thị xã T là của ông nội ông T và bà M để lại, bản thân các ông bà cũng không biết rõ cụ nào là người để lại cho ông nội. Ông T và bà M chỉ nhớ là khi ông nội của mình còn sống đã chia thửa đất này cho 2 người con trai là bố của ông bà là Dương Văn P và chú ruột là Dương Văn B. Cả gia đình của ông T và bà M đã sinh sống ở đó rồi dựng vợ gả chồng từ thửa đất của ông nội để lại cho bố mẹ ông T bà M. Trong quá trình sử dụng, cụ P, cụ N cùng toàn thể các anh chị em trong gia đình đều góp công sức tiền của vào để xây dựng 01 ngôi nhà thờ bằng gỗ 7 gian từ trước năm 1990. Đến khi các anh chị em trong gia đình xây dựng gia đình thì cũng được bố mẹ cho mỗi người ở một phần trong khuôn viên thửa đất này đến khi nào anh chị có điều kiện ra ở riêng chỗ khác thì ra còn nếu không thì vẫn cứ ở trên thửa đất. Các bà con gái thì đi lấy chồng ở riêng còn các ông con trai ở trên thửa đất này. Khi các anh chị em trong gia đình khôn lớn, xây dựng gia đình và đi tạo dựng chỗ ở mới, chỉ còn lại vợ chồng cụ P, cụ N và ông Dương Văn M1 ở trên thửa đất đó. Khi vợ chồng cụ P, cụ N mất không để lại di chúc chỉ căn dặn để lại thửa đất trên làm nơi thờ cúng.

Ông bà mới được biết Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn kê biên, phát mại và tổ chức bán đấu giá thửa đất này để thu hồi khoản nợ của vợ chồng Dương Văn M1, Tạ Thị L đã thế chấp thửa đất này để vay tiền của Ngân hàng A. Lúc này ông bà mới được biết vợ chồng Dương Văn M1, Tạ Thị L đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 313,5m² đất trong tổng diện tích đất của gia đình.

Sau đó ông bà tìm hiểu thì được biết năm 2009 lợi dụng lúc cụ P già yếu,

bệnh tật không nhận thức được hành vi; cụ N không biết chữ và các anh chị em không có nhà, ông M1 đã xúi giục cụ P ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để tặng cho ông M1, bà L diện tích đất 313,5m² đất trong tổng diện tích đất của gia đình. Ông bà cho rằng các chữ ký trong hợp đồng tặng cho của các thành viên trong gia đình là ông Q, ông D, ông T3, ông T4, bà H đều do ông M1 tự ý ký thay; đặc biệt là chữ ký của cụ N là giả mạo do cụ N không biết chữ. Việc cụ P và cụ N làm hợp đồng tặng cho thửa đất này cho vợ chồng Mười L1 thì toàn bộ các anh chị em trong gia đình đều không biết; hợp đồng tặng cho không có đầy đủ chữ ký của các người con với tư cách là thành viên trong hộ gia đình cụ P. Đến nay thửa đất này chỉ có gia đình anh Dương Văn N1, con trai ông Q; gia đình anh Dương Văn H1 là con trai ông D; gia đình ông T4; gia đình ông T3 và gia đình ông M1 đang ở đó. Gia đình ông T đông con ở chung cùng toàn bộ gia đình thì chật quá nên đã tạm thời xin bố mẹ phần ruộng rau của gia đình để tân đất làm nhà ở riêng nhưng quyền lợi của ông T vẫn có phần trong thửa đất này. Ông bà xác định thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² là của cả 10 anh chị em nên ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trước đây là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

1. Hủy Quyết định số: 440/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Gọi tắt là Quyết định số 440*).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 291899, thửa đất số 523, tờ bản đồ số 9, diện tích 313,5m² tại phường Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bắc Ninh do U (nay là thành phố) Từ Sơn cấp ngày 04/6/2009 mang tên ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L (*Gọi tắt là GCNQSDĐ số AP 291899*).

Ngoài ra ông bà T, M không yêu cầu nội dung gì khác.

*** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:**

Ngày 12/5/2009, UBND phường Đ có Tờ trình số 20/TT-UB đề nghị cấp GCNQSDĐ cho cụ Dương Văn P tại thửa đất số 406, tờ bản đồ số 9, diện tích 497,24m² đất ở đô thị tại phường Đ. Căn cứ hồ sơ đề nghị của cụ Dương Văn P và tờ trình của UBND phường Đ, Phòng TN&MT đã kiểm tra và chuyển thông tin địa chính sang C3 (nay là thành phố) T để tính tiền lệ phí trước bạ.

Ngày 16/5/2009, C3 (nay là thành phố) Từ Sơn đã có Thông báo số 423/TB-CCT thông báo lệ phí trước bạ nhà đất đối với thửa đất đề nghị cấp GCNQSDĐ của cụ Dương Văn P. Ngày 22/5/2009, cụ Dương Văn P đã nộp lệ phí trước bạ tại K (nay là thành phố) T.

Trong ngày 25/5/2009, cụ Dương Văn P làm đơn xin tách thửa đất số 406 thành 03 thửa đất gồm: thửa đất số 521, 522, 523 (kèm theo trích lục bản đồ địa chính tách thửa). Đồng thời gia đình cụ Dương Văn P đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 523 diện tích 313,5m² cho con trai là ông Dương Văn M1, vợ là Tạ Thị L. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND phường Đ chứng nhận. Và cụ Dương Văn P cũng có đơn xin đăng ký biến động

đất đai và tặng cho quyền sử dụng đất, trong đó tặng cho con trai là Dương Văn M1 được sử dụng 313,5m² đất tại thửa đất số 523.

Ngày 25/5/2009 ông Dương Văn M1 có đơn xin đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m². Ngày 03/6/2009, C3 (nay là thành phố) Từ Sơn có thông báo miễn thuế thu nhập cá nhân đối với ông Dương Văn M1.

Căn cứ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của gia đình cụ Dương Văn P cho ông Dương Văn M1 và hồ sơ tài liệu có liên quan, ngày 04/6/2009 Phòng T9 có Tờ trình số 430/TT-TNMT đề nghị UBND thị xã (nay là thành phố) cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L. Ngày 04/6/2009, UBND thị xã (nay là thành phố) T đã ban hành Quyết định số 440 và ký GCNQSDĐ số AP 291899 cho ông Dương Văn M1, bà Tạ Thị L tại thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của cụ Dương Văn P đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật đất đai, đã được công khai trong thời gian 15 ngày và không có khiếu nại, kiến nghị gì; cụ Dương Văn P (không phải là hộ cụ Dương Văn P) đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ P và cụ N cho ông M1, bà L có chứng nhận của UBND phường Đ; UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục để cấp GCNQSDĐ cho ông M1, bà L theo quy định. Việc UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn ban hành Quyết định số 440 và GCNQSDĐ số AP 291899 là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

**** Đại diện theo ủy quyền của UBND phường Đ trình bày:***

Thửa đất 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² mang tên Dương Văn M1 và Tạ Thị L được tách từ thửa đất số 406 tờ bản đồ số 9 diện tích 497,24m² mang tên cụ Dương Văn P - bố đẻ của ông M1. Nguồn gốc thửa đất này của cụ Dương Văn P do ông cha để lại được thể hiện trên hồ sơ địa chính qua các thời kỳ như sau:

- Bản đồ năm 1977: Thể hiện là thửa 1358, diện tích 712m², sổ mục kê thể hiện cụ Dương Văn Tư L2 (là tên thường gọi ở nhà của cụ P).

- Bản đồ năm 1998: Thể hiện là 06 thửa gồm: Thửa 388 diện tích 63,9m²; thửa 396 diện tích 55,1m²; thửa 397 diện tích 66,8m²; thửa 398 diện tích 60,7m²; thửa 407 diện tích 67m²; thửa 406 diện tích 365,5m² tất cả đều là tờ bản đồ số 9.

Ngày 27/4/2009, cụ P có đơn đề nghị hợp 04 thửa đất gồm: Thửa 388 diện tích 63,9m²; thửa 396 diện tích 55,1m²; thửa 397 diện tích 66,8m²; thửa 406 diện tích 365,5m² thành thửa số 406, tờ bản đồ số 9, diện tích là 497,24m². Lý do hợp thửa để phân chia đất cho các con.

Như vậy tất cả các bản đồ đều thể hiện thửa đất này là của cụ P chứ không phải là của hộ gia đình. Ngày 27/4/2009, cụ P làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 406 tờ bản đồ số 9 diện tích là 497,24m² và được UBND phường xác minh nguồn gốc, thông báo công khai hồ sơ cấp GCN theo quy định. Ngày 12/5/2009, UBND phường có tờ trình đề nghị UBND thị xã (nay là thành phố)

Từ Sơn cấp GCNQSDĐ cho cụ Dương Văn P đối với thửa số 406 tờ bản đồ số 9 diện tích là 497,24m².

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ P được cấp theo đúng quy định của pháp luật, đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ.

Sau đó, cụ P đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng M1 Liên thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² là thể hiện quyền định đoạt của cụ P. UBND phường Đ thống nhất với ý kiến của UBND thị xã (nay là thành phố) T.

**** Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn trình bày:***

Căn cứ vào các Bản án số 13/2017/DSST ngày 06/6/2017; Quyết định số 11/2017/QĐST-DS ngày 21/8/2017; Bản án số 04/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017 của TAND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn và căn cứ vào các Quyết định thi hành án của Chi cục trưởng C3 (nay là thành phố) Từ Sơn về các nghĩa vụ phải thi hành án của ông Dương Văn M1, bà Tạ Thị L đối với Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh B1; ông Nguyễn Văn D1; bà Nguyễn Thị O, anh Mẫn Hào Q1, chị Mẫn Huyền T7, cháu Mẫn Ngọc Song T8. Quá trình thi hành án, do ông M1 bà L không tự nguyện thi hành án nên Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên xử lý tài sản để kê biên toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại khu phố T, phường Đ, thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn để đảm bảo thi hành án. C3 (nay là thành phố) Từ S đã ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản là toàn bộ nhà đất nêu trên. Đây là trường hợp kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo quyết định của Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án thì cần xem xét đến quyền lợi của người được thi hành án và xem xét đến các chi phí phát sinh trong quá trình thi hành án nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

**** Ông Dương Văn C2, bà Dương Thị H, ông Dương Văn T4 cùng trình bày:***

Các ông bà đồng ý với việc khởi kiện của ông T, bà M. Các ông bà cho biết khi cụ P, cụ N còn sống, mỗi khi con trai lấy vợ thì đều được cho một mảnh đất nhỏ giáp mặt đường 277 trong khu đất. Sau đó ai có điều kiện ra ngoài ở thì trả lại đất cho cụ P, cụ N. Trên diện tích đất này, năm 1964 cụ Dương Văn P xây nhà cấp 4, đến năm 1972 thì xây nhà 2 tầng nhỏ; đến năm 1982 thì xây dựng nhà ngói 8 gian. Năm 1994, cụ P cắt một phần nhà ngói cho con trưởng là ông Dương Văn Q và ông Dương Văn T4. Hiện nay phần của ông Q do con trai là Dương Văn N1 ở; phần còn lại hiện vẫn do ông T4 quản lý sử dụng. Ngoài ra, một phần đất của cụ P hiện nay do anh Dương Văn H1 con trai ông Dương Văn D sử dụng. Năm 1991, ông C2 được cụ P cắt cho mấy chục mét vuông đất để ở riêng, đến năm 2003 thì ông C2 ra ở tại khu công nghiệp, trả lại đất cho cụ P. Đối với bà H sau khi lấy chồng từ năm 1982 thì về ở nhà chồng, không sống chung với bố mẹ.

Các ông bà không biết việc cụ P làm thủ tục nhập tách các thửa đất; gia đình chưa khi nào họp bàn phân chia đất và không ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử

dụng đất cho ông M1. Đến nay các con của cụ P, cụ N vẫn chưa ai làm được sổ đỏ. Các ông bà không biết tại sao ông M1 làm được sổ đỏ. Bản thân vợ chồng ông M1, bà L đã được cụ P cho mảnh đất 100m² đầu cầu T nhưng lại cho tiếp mảnh đất hơn 300m² trong khu đất này là không hợp lý. Khi còn sống cụ P, cụ N giữ mảnh đất hiện do M1 sử dụng để làm nơi thờ cúng và các ông bà tôn trọng ý muốn của bố mẹ, vợ chồng Mười L1 chỉ được ở trên mảnh đất đó, không được quyền mua bán chuyển nhượng thế chấp cho ai. Năm 2011 khi vợ chồng Mười L1 tiến hành xây dựng nhà cao tầng trên thửa đất này thì anh chị em trong nhà có đến phản đối nhưng M1 vẫn tiến hành xây dựng. Đề nghị Tòa án: Hủy Quyết định số 440 và hủy GCNQSDĐ số AP 291899. Ngoài ra các ông bà không yêu cầu nội dung gì khác.

*** Ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L trình bày:**

Bố mẹ ông là cụ Dương Văn P và cụ Nguyễn Thị N sinh được 10 người con. Nguồn gốc thửa đất diện tích 497,24m² là của ông cha cụ ký để lại cho bố mẹ ông. Năm 1990-1991 cụ P có tiến hành phân chia đất cho 7 anh em trai trong nhà, khi đó ông chưa lấy vợ, lúc bố mẹ phân chia không ai có ý kiến gì. Khi bố mẹ làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông thì do bố ông là cụ P tự đi làm và bảo ông ký vào hợp đồng, gia đình không tiến hành hợp gia đình để tặng cho đất. Năm 2010 thì bố ông đưa cho ông GCNQSDĐ của thửa đất này. Khi bố ông mất, vợ chồng ông về thửa đất ở, các anh chị trong nhà biết việc bố tặng cho ông thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² thì gia đình có xảy ra tranh chấp. Năm 2013 khi ông làm nhà thì tất cả các anh chị em đều đến ngăn cản; khi ông làm nhà thì có thể chấp thửa đất này cho Ngân hàng Á chi nhánh B1. Nay ông Dương Văn T, bà Dương Thị M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 440 và hủy GCNQSDĐ số AP 291899 thì ông bà không chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D2 trình bày:**

Các ông đều có ý kiến là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Dương Thị M đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 440 và hủy GCNQSDĐ số AP 291899.

*** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Á (gọi là Ngân hàng A) trình bày:**

Thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại khu phố T, phường Đ, thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn được UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Văn M1, bà Tạ Thị L. Tài sản này được ông M1 bà L thế chấp cho ngân hàng A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 26/4/2013. Tại Bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017 của TAND thị xã Từ Sơn có hiệu lực pháp luật đã công nhận hiệu lực của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng A và ông Dương Văn M1, bà Tạ Thị L. Việc ông Dương Văn M1, bà Tạ Thị L là chủ thể được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản theo đúng quy

định của pháp luật và giao dịch thế chấp giữa ngân hàng A và ông M1, bà L không bị vô hiệu và phải được tiếp tục thực hiện trên cơ sở được pháp luật tôn trọng, công nhận và bảo vệ. Không có một cá nhân hoặc cơ quan tổ chức nào được quyền đòi lại tài sản thế chấp hoặc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản thế chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

*** Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O đều trình bày:**

Ông bà là những người được thi hành án theo Quyết định thi hành án của C3 (nay là thành phố) Từ Sơn; người phải thi hành án là ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L. Hiện nay vợ chồng Mười L1 vẫn còn nợ tiền ông bà chưa thanh toán hết. C3 (nay là thành phố) T đã tiến hành kê biên thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ để tiến hành bán đấu giá trả nợ cho Ngân hàng và ông bà.

Với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính này ông bà không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Dương Thị M. Bởi lẽ thửa đất này là tài sản hợp pháp của vợ chồng Mười L1 đã làm thủ tục thế chấp hợp pháp tại Ngân hàng A. Nay vợ chồng Mười L1 chỉ còn tài sản duy nhất là nhà đất này để đảm bảo việc thi hành án. Đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của ông bà với tư cách là người được thi hành án, không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông T và bà M để C3 (nay là thành phố) Từ S tiếp tục việc phát mại tài sản để trả nợ cho ông bà.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai; Điều 19 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Án lệ số 03/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Dương Thị M gồm:

- Bác yêu cầu Hủy Quyết định số: 440/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn về việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bác yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 291899 do UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp ngày 04/6/2009 mang tên ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L đối với thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2024, người khởi kiện ông Dương Văn T, bà Dương Thị M có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Ngày 10/4/2024, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2, bà Dương Thị H, ông Dương Văn T4 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người kháng cáo làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân tỉnh Bắc Ninh đã xét xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Dương Thị M là có căn cứ. Bởi vậy căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn T, bà Dương Thị M; ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2, bà Dương Thị H, ông Dương Văn T4; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về thủ tục tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và một số người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhận thấy, đương sự có kháng cáo vắng mặt nhưng đã có đại diện theo ủy quyền; các đương sự khác vắng mặt đều không có kháng cáo và đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có

đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người kháng cáo.

2.1 Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án hành chính “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo đúng quy định của pháp luật.

2.2 Về nội dung:

Xét về nguồn gốc thửa đất thì thấy tại Bản đồ địa chính năm 1977 và sổ mục kê đã thể hiện toàn bộ diện tích đất 712m² mang tên cụ Tư L2 (là tên thường gọi của cụ P); năm 1998 thửa đất này được tách làm 06 thửa. Năm 2009 cụ P thực hiện quyền định đoạt của mình đã đề nghị hợp 04 thửa (trong tổng số 06 thửa) đó là thửa đất số 388, 396, 397 và 406 thành thửa đất số 406, tờ bản đồ số 9, diện tích là 497,24m²; lý do hợp thửa nêu trong đơn là để phân chia đất cho các con. Đối với 02 thửa đất còn lại là thửa số 407 và 398 trên hồ sơ địa chính thể hiện đứng tên ông Dương Văn Q và ông Dương Văn T4. Ngày 27/4/2009, cụ P đã làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 406, tờ bản đồ số 9, diện tích là 497,24m² và được UBND phường xác minh nguồn gốc, thông báo công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận theo quy định; cụ P sau đó cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định nên đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, trên tất cả các hồ sơ địa chính đều thể hiện cả 04 thửa đất gộp vào để hợp thành thửa số 406, tờ bản đồ số 9, diện tích là 497,24m² đều là của cụ Dương Văn P được ông cha để lại chứ không phải là đất được cấp theo tiêu chuẩn. Việc ông T, bà M cho rằng đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của cả gia đình là không có căn cứ.

Ngay sau khi thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đề nghị cấp GCNQSDĐ, mặc dù cụ P chưa được UBND thị xã T cấp GCNQSDĐ nhưng cụ P, cụ N đã thực hiện quyền định đoạt của mình (phân chia đất cho các con) để làm thủ tục tách thửa 406 thành thửa số 521, 522, 523 và tặng cho thửa đất số 523 diện tích đất 313,5m² cho con trai là ông Dương Văn M1. Việc cụ P, cụ N tặng cho đất ông M1 là thực hiện đúng nguyện vọng khi làm thủ tục hợp các thửa đất. Việc tặng cho đã được lập thành hợp đồng tặng cho có đầy đủ chữ ký của cụ P, cụ N là người được công nhận quyền sử dụng đất (dựa trên hồ sơ cấp GCNQSDĐ) và có xác nhận của UBND phường Đ theo quy định. Hợp đồng tặng cho không cần thiết phải có đầy đủ chữ ký của các người con của cụ P bởi thửa đất trên là của cụ P chứ không phải của hộ cụ P nên cụ P có toàn quyền định đoạt mà không cần phải có ý kiến của các con cụ P. Mặt khác đối với thửa số 521 và 522 trên bản đồ địa chính thể hiện do ông Dương Văn T3 và gia đình ông Dương Văn D quản lý sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án ông C2, ông T4, ông M1, ông T3 đều thừa nhận việc cụ P có chia cho các con trai một phần sau khi lập gia đình và sau đó cũng

không ai có ý kiến tranh chấp gì. Bản thân ông T3 cũng có ý kiến cho rằng không còn liên quan đến thửa đất số 523 nữa. Ngay sau khi được cụ P, cụ N cho đất và được UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp GCNQSDĐ, vợ chồng ông M1 đã sử dụng ổn định, công khai, liên tục, đã xây dựng nhà cao tầng kiên cố trên đất để sinh sống, tại phiên tòa sơ thẩm bà M cùng bà L cũng cho rằng khi ông M1 bà L xây nhà vào năm 2013 thì các anh chị em cũng không đồng ý và có ý kiến phản đối, nhưng vì muốn giữ tình cảm nên bà M cho rằng để anh em giải quyết nội bộ trong gia đình nên không muốn làm to chuyện và từ đó cho đến khi Chi cục thi hành án thành phố Từ Sơn kê biên bán đấu giá đối với thửa đất của ông M1, bà L thì ông T và bà M mới lại có đơn khởi kiện. Mặt khác sau khi được UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp GCNQSDĐ, vợ chồng ông M1, bà L đã dùng thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² này để thế chấp ở nhiều Ngân hàng, đến ngày 26/4/2013 tiếp tục dùng thửa đất 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á để vay tiền. Hợp đồng thế chấp được thực hiện ngay tình, đúng quy định pháp luật. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017 của TAND thị xã (nay là thành phố) T đã buộc ông M1, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền 16.057.859.297đ theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông M1 bà L không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp, trong đó có thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ. Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T đang tiến hành thủ tục phát mại tài sản đối với thửa đất này và thủ tục thi hành án cần được tiếp tục để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Do vậy xác định sau khi ông M1, bà L được cụ P tặng cho quyền sử dụng đất đã mang đi thế chấp cho Ngân hàng TMCP Á để vay vốn làm ăn, trình tự thủ tục thế chấp được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, do vậy xác định phía Ngân hàng TMCP Á nhận tài sản thế chấp là thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² mang tên ông M1, bà L là ngày tình nên cần được bảo vệ. Do vậy cần áp dụng án lệ số 03/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao để xác định vợ chồng ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L đã được cụ P và cụ N cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bắc Ninh.

Xét tính hợp pháp Quyết định số: 440/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn về việc cấp mới GCNQSDĐ và GCNQSDĐ số AP 291899 do UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp ngày 04/6/2009 mang tên ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L đối với thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bắc Ninh:

*** Về thẩm quyền ban hành:**

Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn ban hành Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn về việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

Cùng ngày 04/6/2009, UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn đã cấp GCNQSDĐ số AP 291899 đối với thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bắc Ninh cho ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

* Về trình tự thủ tục ban hành:

Thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ đã được cụ Dương Văn P kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ ngày 27/4/2009. Hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của cụ P được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 123 Luật đất đai 2003 và khoản 1 Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai. Hồ sơ có đầy đủ đơn xin cấp GCNQSDĐ được UBND phường Đ xác nhận; hồ sơ kỹ thuật thửa đất; biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai; danh sách cấp GCN được niêm yết công khai; tờ trình đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông M1, bà L của UBND phường Đ. Cụ P sau đó đã nộp đủ nghĩa vụ tài chính nên đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, sau đó UBND thị xã T chưa thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho cụ P mà thực hiện luôn thủ tục tặng cho thửa đất này từ gia đình cụ P sang ông M1, bà L là thiếu sót.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L sau đó cũng đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Điều 19 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Hồ sơ gồm Hợp đồng tặng cho; hồ sơ kỹ thuật thửa đất mới; đơn đề nghị đăng ký biến động của cụ P; đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông M1; tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T9.

Từ những nhận định trên HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Việc UBND thị xã (nay là thành phố) Từ Sơn cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Văn M1 và bà Tạ Thị L đối với thửa đất số 523 tờ bản đồ số 9 diện tích 313,5m² tại phường Đ dựa trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Việc Chủ tịch U (nay là thành phố) Từ Sơn ban hành Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 về việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thẩm quyền nhưng không làm thay đổi nội dung sự việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà M cho rằng chữ ký trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ P và cụ N cho vợ chồng M1 L không phải là chữ ký của cụ N vì bà cho rằng cụ N không biết chữ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà M không yêu cầu giám định chữ ký của cụ N, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà M cho rằng tuy không phải chữ ký của cụ N, nhưng do cụ N đã mất nên bà không đề nghị giám định chữ ký của cụ N, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Đức T1 là người đại cho ông Dương Văn T, bà Dương Thị M có yêu cầu giám định chữ ký của cụ N nhưng không xuất trình được các tài liệu để giám định.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính

phủ quy định về thi hành Luật đất đai; Điều 19 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Án lệ số 03/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện là có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo.

Từ những phân tích trên thấy rằng: HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo ông Dương Văn T, bà Dương Thị M; ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2, bà Dương Thị H và ông Dương Văn T4, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên đối với các ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2 là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn T, bà Dương Thị M, ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2, bà Dương Thị H, ông Dương Văn T4; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, ông Dương Văn T4, bà Dương Thị H mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mỗi người đã nộp tại các Biên lai thu số 0000141, số 0000142 ngày 16/4/2024; Biên lai thu số 0000146, số 0000147 ngày 24/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Dương Văn Q, ông Dương Văn D, bà Dương Thị C1, ông Dương Văn C2.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nam